

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DSST-HNGĐ

Ngày: 20/4/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K – TP C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến

2. Ông Phan Công Ny

Thư ký phiên toà: Bà Võ An Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận K.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố C tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 395/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Linh T**, sinh năm 1985

ĐKTT: 2/60A Đường 3/2 phường Hưng Lợi, quận K, thành phố C.

Chỗ ở: 14/47 Lý Tự Trọng, phường An Cư, quận K, thành phố C.

* *Bị đơn:* Ông **Mai Thanh D**, sinh năm 1980

ĐKTT: 2/60A Đường 3/2 phường Hưng Lợi, quận K, thành phố C.

(*Nguyên đơn vắng mặt không lý do; bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Bà và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vào năm 2004. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Nhưng sau đó, giữa vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã dẫn đến đời sống vợ, chồng không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng bà và gia đình hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: nguyên đơn và bị đơn có 01 người con chung là Mai Thanh B (nam), sinh năm 2003, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Mai Thanh D đã nhận được văn bản tố tụng của tòa án nhưng mặt không lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết nên tòa án không rõ ý kiến.

Vụ án không hòa giải được. Tòa án nhân dân quận K tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Vụ án được xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vào năm 2004, đúng theo quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận K, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã nhận được văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 luật Tố Tụng Dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về Nội dung vụ kiện:

- Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn trong đơn xin vắng mặt, cho thấy cuộc sống hôn nhân của hai bên có sự bất đồng về quan điểm sống, đời sống hôn nhân không hòa hợp, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ, chồng ngày càng gay gắt, hai bên đã ly thân nhiều năm. Điều này cho thấy, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của ông, bà là có thật và đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn nhận được văn bản tố tụng nhưng không đến tham dự các phiên hòa giải cũng như xét xử của tòa án là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cũng cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

- Về con chung: có 01 con chung đã thành niên nên tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, bị đơn không rõ ý kiến nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39 Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Linh T đối với ông Mai Thanh D.

Con chung: Con chung đã thành niên.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Nguyên đơn bà Linh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 001270 ngày 25/10/2021 thành án phí, xem như nguyên đơn đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Công Ny

Hồ Thị Kim Luyến

Nguyễn Thị Thùy Linh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận K;
- Thi hành án quận K;
- TAND TP C;
- UBND xã Mỏ Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Linh